

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1092 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý công tác hợp tác quốc tế của Bộ Nội vụ

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 1475/QĐ-BNV ngày 21/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế làm việc của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 2619/QĐ-BNV ngày 04/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Quy chế làm việc của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản lý công tác hợp tác quốc tế của Bộ Nội vụ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1991/QĐ-BNV ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Công TTĐT Bộ Nội vụ;
- Lưu VT, HTQT.



BỘ TRƯỞNG

Lê Vinh Tân
Lê Vinh Tân

QUY CHẾ
QUẢN LÝ CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA BỘ NỘI VỤ
(Kèm theo Quyết định số 1092 /QĐ-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, nguyên tắc quản lý, thẩm quyền quyết định và trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Nội dung quản lý công tác hợp tác quốc tế

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế, hội nhập quốc tế và điều phối các hoạt động hợp tác quốc tế.
2. Tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài vào Việt Nam (đoàn vào).
3. Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế.
4. Ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế.
5. Vận động tài trợ nước ngoài cho các ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ.
6. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế.
7. Khen thưởng đối ngoại đối với các tổ chức quốc tế, cá nhân là người nước ngoài có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
8. Công tác thông tin đối ngoại.
9. Theo dõi, tổng hợp thông tin, kinh nghiệm quốc tế về các ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ.
10. Các nhiệm vụ hợp tác quốc tế cụ thể khác theo phân công và chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Nội vụ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý công tác hợp tác quốc tế

1. Bảo đảm an ninh quốc gia, thực hiện đúng đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với công tác hợp tác quốc tế.
2. Tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập, tranh thủ sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế đối với các ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ.
3. Nâng cao uy tín và vị thế của Bộ Nội vụ với các đối tác quốc tế.
4. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo quy định; bảo đảm sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác hợp tác quốc tế.

Chương II TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 4. Xây dựng, phê duyệt và thực hiện Kế hoạch hợp tác quốc tế

1. Căn cứ xây dựng, phê duyệt Kế hoạch hợp tác quốc tế

Vụ Hợp tác quốc tế xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế của Bộ trên cơ sở chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về đối ngoại; căn cứ chiến lược phát triển, các nhiệm vụ ưu tiên của Bộ, ngành nội vụ; các thỏa thuận quốc tế, biên bản ghi nhớ của Việt Nam nói chung và Bộ Nội vụ nói riêng đã ký kết với các đối tác nước ngoài.
2. Các loại kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm và thẩm quyền phê duyệt
 - a) Kế hoạch cấp Bộ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bao gồm các đoàn ra, đoàn vào do Bộ Nội vụ chủ trì tổ chức hoặc đón tiếp có sự tham gia của thành viên cấp Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng.
 - b) Kế hoạch cấp vụ do Bộ trưởng phê duyệt bao gồm các đoàn ra, đoàn vào do cơ quan Bộ Nội vụ chủ trì tổ chức hoặc đón tiếp không có sự tham gia của thành viên cấp Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng.
 - c) Kế hoạch của các đơn vị trực thuộc không có sự tham gia của thành viên cấp Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng do Bộ trưởng phê duyệt.

3. Xây dựng Kế hoạch hợp tác quốc tế

a) Đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ công tác và nhu cầu về hợp tác quốc tế, cô trách nhiệm lập kế hoạch hợp tác quốc tế có sự tham gia của thành viên cấp Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng gửi về Vụ Hợp tác quốc tế. Trước ngày 10 tháng 11, Vụ Hợp tác quốc tế hoàn thành dự thảo hoạt động đối ngoại của Bộ năm kế tiếp trình Ban cán sự Đảng Bộ Nội vụ cho ý kiến, báo cáo Bộ trưởng xem xét quyết định kế hoạch hoạt động đối ngoại của Bộ và gửi Bộ Ngoại giao trước ngày 15 tháng 11 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng

- Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế của cơ quan Bộ Nội vụ trình Bộ trưởng phê duyệt.

- Các đơn vị trực thuộc lập kế hoạch hợp tác quốc tế của đơn vị gửi về Vụ Hợp tác quốc tế trong tuần đầu tháng 11 để Vụ Hợp tác quốc tế xem xét, tổng hợp trình Bộ trưởng phê duyệt.

4. Hồ sơ Kế hoạch hợp tác quốc tế bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hợp tác quốc tế trong năm, phương hướng công tác hợp tác quốc tế năm sau và kế hoạch thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế.

Nội dung kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm bao gồm:

- Các điều ước và thỏa thuận quốc tế dự kiến ký kết;
- Các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, kế hoạch vận động tài trợ đang triển khai và dự kiến triển khai;
- Các đoàn ra: bao gồm các đoàn đi nước ngoài học tập, tham quan khảo sát, trao đổi hợp tác, tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế;
- Các đoàn vào: bao gồm các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam công tác, nghiên cứu khoa học, học tập, trao đổi kinh nghiệm, tham dự các hội nghị, hội thảo, tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế của Bộ và của đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Hội nghị, hội thảo quốc tế do Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức tại Việt Nam;

- Dự trữ kinh phí và nguồn ngân sách thực hiện kế hoạch (bao gồm các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, kinh phí thuộc các chương trình, dự án tài trợ, ngân sách tự chủ của các đơn vị, do phía mời đài thọ, và bằng các nguồn khác).

5. Thực hiện Kế hoạch hợp tác quốc tế đã được phê duyệt

a) Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm của Bộ Nội vụ đã được Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng phê duyệt.

b) Các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm của đơn vị mình đã được Bộ trưởng phê duyệt.

c) Đối với các hoạt động hợp tác quốc tế của các đơn vị trực thuộc do Lãnh đạo Bộ chủ trì, yêu cầu các đơn vị xây dựng đề án (kế hoạch) triển khai thực hiện trình Lãnh đạo Bộ (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế) phê duyệt trước khi thực hiện.

d) Vụ Hợp tác quốc tế chủ động phối hợp với các đơn vị tham mưu Lãnh đạo Bộ thường xuyên rà soát, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm đã được phê duyệt.

6. Nguyên tắc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hợp tác quốc tế

a) Kế hoạch hợp tác quốc tế của Bộ Nội vụ và các đơn vị trực thuộc Bộ phải được xây dựng căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định, định hướng chung của Đảng và Nhà nước về hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế, phục vụ hiệu quả nhu cầu công việc thực tế của cơ quan, đơn vị trong từng thời kỳ, phù hợp với năng lực và triển vọng hợp tác của các đối tác, đảm bảo uy tín của phía ta trong quan hệ với các đối tác, có tinh thực tế, khoa học và khả thi, tiết kiệm, tránh mọi biểu hiện lãng phí và trục lợi cá nhân.

b) Việc thực hiện công tác hợp tác quốc tế cần tuân thủ Kế hoạch đã được phê duyệt, hạn chế phát sinh các hoạt động hợp tác quốc tế nằm ngoài Kế hoạch đã được phê duyệt, đặc biệt là đối với các hoạt động sử dụng ngân sách nhà nước. Trong trường hợp bất khả kháng, mọi hoạt động phát sinh có sử dụng ngân sách nhà nước phải được trình Bộ trưởng phê duyệt thông qua Vụ Hợp tác quốc tế.

c) Đối với các hoạt động hợp tác quốc tế phát sinh ngoài Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm đã được phê duyệt không sử dụng ngân sách nhà nước, đơn vị thực hiện chủ trì, chuẩn bị nội dung trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt, thông báo kết quả tới Vụ Hợp tác quốc tế để theo dõi, tổng hợp.

Điều 5. Tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra)

1. Thẩm quyền cho phép đoàn ra

a) Bộ trưởng đi nước ngoài do Thủ tướng Chính phủ quyết định

b) Bộ trưởng quyết định việc cử công chức, viên chức (bao gồm cả Thứ trưởng, Người đứng đầu, cấp phó của Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc) của Bộ Nội vụ đi công tác, học tập tại nước ngoài.

c) Đối với đoàn ra do Thứ trưởng làm trưởng đoàn nhưng không nằm trong Kế hoạch cấp Bộ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, trình Bộ trưởng báo cáo, xin phép Thủ tướng Chính phủ trước khi ra quyết định.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức đoàn ra:

a) Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ trình Lãnh đạo Bộ ban hành kế hoạch đoàn ra hàng năm của Bộ; chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất, báo cáo Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực cơ cấu, thành phần đoàn đi thăm chính thức tại nước ngoài do Bộ trưởng, Thứ trưởng làm Trưởng đoàn.

b) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có liên quan đề xuất, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định việc thành lập đoàn và cử công chức, viên chức của Bộ đi công tác, học tập tại nước ngoài.

c) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày đoàn và công chức, viên chức khi được cử đi công tác, học tập nước ngoài về nước, các đoàn hoặc công chức, viên chức phải báo cáo Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực về kết quả chuyến công tác, học tập; đồng thời gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có liên quan (tại phần nơi nhận của văn bản) để theo dõi, quản lý kết quả đoàn ra. Bộ trưởng đi công tác nước ngoài về báo cáo kết quả bằng văn bản với Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

1. Vụ Hợp tác quốc tế có trách nhiệm quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của các cán bộ, công chức, viên chức thuộc Cơ quan Bộ, lập sổ theo dõi việc giao, nhận hộ chiếu và đảm bảo an toàn cho hộ chiếu khi được lưu giữ tại cơ quan, không để thất lạc, ẩm ướt, hư hại không sử dụng được. Báo cáo lãnh đạo Bộ để thông báo cho cơ quan cấp hộ chiếu thuộc Bộ Ngoại giao (Cục

Lãnh sự) và Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an về việc hộ chiếu do đơn vị mình quản lý khi bị mất, bị hỏng.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ giao cho một Phòng, Ban chuyên môn của mình làm đầu mối lưu giữ và bảo quản hộ chiếu; chi bản giao hộ chiếu cho cán bộ, công chức khi có quyết định cử đi công tác nước ngoài. Việc bản giao phải có ký nhận; tuyệt đối không được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ để đi nước ngoài với mục đích cá nhân.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhập cảnh Việt Nam sau khi kết thúc chuyến công tác ở nước ngoài, yêu cầu cán bộ, công chức nộp lại hộ chiếu cho cơ quan, trừ trường hợp có lý do chính đáng do Thủ trưởng cơ quan quyết định. Người được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cố tình không bản giao cho cơ quan quản lý hộ chiếu theo quy định sau khi nhập cảnh về nước và có hành vi sử dụng hộ chiếu sai quy định thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đơn vị quản lý hộ chiếu có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ để xử lý vi phạm đối với việc sử dụng và quản lý hộ chiếu không đúng theo quy định.

4. Trong trường hợp chuyển hộ chiếu cho cơ quan quản lý hộ chiếu mới khi người được cấp hộ chiếu được điều chuyển công tác, các đơn vị quản lý hộ chiếu thông báo cho cơ quan cấp hộ chiếu thuộc Bộ Ngoại giao để hủy giá trị hộ chiếu của những người không còn thuộc diện được sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, bao gồm cả những người đã nghỉ hưu, thôi việc, hết nhiệm kỳ công tác, ra khỏi biên chế, chết, hoặc mất tích.

5. Cá nhân được cấp hộ chiếu công vụ chịu trách nhiệm sử dụng, quản lý và bảo quản hộ chiếu của mình và chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Bộ về việc sử dụng, quản lý và bảo quản hộ chiếu được cấp trong thời gian được giữ hộ chiếu.

Điều 7. Mời, tổ chức đón tiếp và quản lý các đoàn nước ngoài đến thăm, làm việc tại Bộ Nội vụ (đoàn vào)

1. Thâm quyền mời các đoàn nước ngoài đến thăm, làm việc tại Bộ

a) Việc mời và đón tiếp các đoàn cấp cao nước ngoài từ cấp Bộ trưởng và tương đương trở lên vào thăm và làm việc tại Bộ Nội vụ phải được xây dựng trong Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt. Trường hợp các đoàn cấp cao nói trên vào thăm và làm việc tại Bộ đột xuất ngoài chương trình đã được phê duyệt, căn cứ nội dung và chương trình

làm việc dự kiến của đoàn, Vụ Hợp tác quốc tế tham mưu Lãnh đạo Bộ xin phép Thủ tướng Chính phủ ít nhất 10 ngày làm việc trước khi đón tiếp đoàn.

b) Bộ trưởng mời các đoàn nước ngoài từ cấp Thứ trưởng hoặc tương đương trở xuống vào thăm, làm việc với Bộ trên cơ sở Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm đã được phê duyệt.

c) Bộ trưởng ủy quyền Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ mời các tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc các chương trình, dự án hợp tác tại Bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tới làm việc tại Bộ, đơn vị.

2. Trình tự, thủ tục đón đoàn vào

a) Vụ Hợp tác quốc tế làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đón tiếp các đoàn vào cơ quan Bộ Nội vụ theo đúng quy định. Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm đảm bảo các biện pháp lễ tân theo nghi thức và thông lệ ngoại giao.

b) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổ chức đón các đoàn vào đã được phê duyệt của đơn vị mình theo đúng quy định.

3. Quản lý hoạt động đón tiếp đoàn vào

Việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến thăm và làm việc với các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ phải tuân thủ những quy định sau:

a) Tuyệt đối không được tiết lộ bí mật quốc gia, bí mật quốc phòng an ninh, bí mật nhà nước lĩnh vực nội vụ và quy trình phối hợp quản lý người nước ngoài của Nhà nước.

b) Tuyệt đối không đưa khách đến các khu vực cấm người nước ngoài cư trú, đi lại (trừ trường hợp đã có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền).

c) Việc trao đổi tài liệu, mẫu vật, văn hóa phẩm với người nước ngoài phải được sự đồng ý của các cơ quan có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

d) Đối với các chương trình, dự án hợp tác nước ngoài có nhu cầu bố trí văn phòng làm việc cho các chuyên gia nước ngoài trong khuôn viên trụ sở mình, các đơn vị gửi văn bản báo cáo Bộ trưởng xem xét (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế).

Điều 8. Quy định về tiếp khách quốc tế

1. Lãnh đạo Bộ phê duyệt chủ trương tiếp khách quốc tế của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ phê duyệt chủ trương tiếp khách quốc tế của các đơn vị trực thuộc mình, chịu trách nhiệm về nội dung và báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả tiếp khách, đồng thời gửi Vụ Hợp tác quốc tế để theo dõi, tổng hợp.

3. Các đơn vị phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế tổ chức tiếp khách quốc tế của đơn vị, chịu trách nhiệm về nội dung, báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả tiếp khách, đồng thời gửi Vụ Hợp tác quốc tế để theo dõi, tổng hợp.

4. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì tổ chức tiếp khách quốc tế của Lãnh đạo Bộ; báo cáo Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác hợp tác quốc tế kết quả buổi tiếp.

5. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ xem xét, quyết định trường hợp tiếp khách quốc tế đột xuất (không thuộc chương trình, kế hoạch và do đối tác nước ngoài đề xuất). Sau buổi tiếp báo cáo ngay bằng văn bản về nội dung, kết quả buổi tiếp với Lãnh đạo Bộ, đồng thời gửi Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp theo dõi theo quy định.

6. Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện công tác lễ tân, chuẩn bị quà tặng cho các buổi tiếp khách quốc tế theo đúng quy định.

Điều 9. Tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế

1. Việc tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế của Bộ Nội vụ được thực hiện theo Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế

a) Vụ Hợp tác quốc tế làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế do Bộ Nội vụ chủ trì theo đúng quy định.

b) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế đã được phê duyệt của đơn vị mình theo đúng quy định.

c) Hàng năm trước ngày 10 tháng 12, Vụ Hợp tác quốc tế tổng hợp tình hình tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế của Bộ và tham mưu Lãnh đạo Bộ báo cáo Bộ Ngoại giao.

Điều 10. Ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế

1. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Lãnh đạo Bộ thực hiện trình tự và thủ tục tiến hành ký kết các thỏa thuận quốc tế nhân danh cấp Bộ trở lên theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế năm 2007, Quyết định số 36/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục ký kết, thực hiện thỏa thuận nhân danh Chính phủ và kiến nghị Chủ tịch nước quyết định ký kết thỏa thuận nhân danh Nhà nước không phải là điều ước quốc tế và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với các văn bản (bao gồm Thỏa thuận hợp tác, Ghi nhớ hợp tác) nhân danh các đơn vị trực thuộc Bộ ký kết với đối tác nước ngoài:

a) Trước khi tiến hành ký kết văn bản với các đối tác nước ngoài ít nhất 15 ngày làm việc, các đơn vị trực thuộc Bộ phải xin ý kiến của Lãnh đạo Bộ (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế) bằng văn bản về nội dung, hình thức văn bản ký kết và chỉ ký kết khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản về nội dung, hình thức văn bản ký kết và chỉ ký kết khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Bộ.

b) Sau khi ký kết văn bản với các đối tác nước ngoài, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ bằng văn bản, đồng thời gửi Vụ Hợp tác quốc tế 01 bản thỏa thuận đã được ký kết để tổng hợp, theo dõi.

3. Vụ Hợp tác quốc tế có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị ký kết và thực hiện các văn bản đã ký với đối tác nước ngoài; hàng năm tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Bộ báo cáo Bộ Ngoại giao tình hình ký kết và kết quả thực hiện các thỏa thuận quốc tế của Bộ trước ngày 10 tháng 12.

4. Các đơn vị không được ký kết với các đối tác nước ngoài các nội dung vượt thẩm quyền hoặc chưa được sự đồng ý của Lãnh đạo Bộ.

Điều 11. Quản lý các chương trình, dự án có nguồn tài trợ nước ngoài

1. Việc quản lý các chương trình, dự án có nguồn tài trợ nước ngoài của Bộ Nội vụ được thực hiện theo Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài

dành cho Việt Nam (sau đây gọi chung là các chương trình, dự án có nguồn tài trợ nước ngoài).

2. Vụ Hợp tác quốc tế căn cứ cơ sở vận động các chương trình, dự án có nguồn tài trợ nước ngoài, chủ động trao đổi, làm việc với đối tác nước ngoài và các đơn vị liên quan xây dựng Đề cương chương trình, dự án trình Bộ trưởng xem xét, quyết định việc gửi công văn cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Các đơn vị trực thuộc Bộ có nhu cầu và năng lực thực hiện chương trình, dự án có nguồn tài trợ nước ngoài chủ động xây dựng Đề cương chương trình, dự án gửi Vụ Hợp tác quốc tế. Vụ Hợp tác quốc tế tiếp nhận, xem xét văn bản đề nghị của đơn vị gửi đến trình Bộ trưởng quyết định và trong trường hợp được Bộ trưởng nhất trí, phối hợp với đơn vị đề nghị hoàn thiện hồ sơ chương trình, dự án trình Bộ trưởng xem xét, quyết định việc gửi công văn cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan theo quy định;

4. Sau khi có Quyết định phê duyệt Danh mục tài trợ và văn bản cam kết tài trợ của nhà tài trợ, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng xem xét, ban hành quyết định về chủ dự án, phối hợp với chủ dự án trình phê duyệt văn kiện chương trình, dự án có nguồn tài trợ nước ngoài theo quy định;

5. Vụ Hợp tác quốc tế là đầu mối giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ quản trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án có nguồn tài trợ nước ngoài; giám sát, đánh giá hiệu quả các chương trình, dự án; phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo tổng hợp về tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài, báo cáo đánh giá chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định, trừ nội dung liên quan đến hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

6. Vụ Kế hoạch Tài chính thực hiện việc quản lý vốn vay, viện trợ của nước ngoài và các nguồn vốn, nguồn kinh phí khác cho các chương trình, dự án do Bộ Nội vụ quản lý. Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các nguồn kinh phí nêu trên theo quy định của pháp luật.

7. Đơn vị trực thuộc Bộ được giao làm chủ chương trình, dự án có nguồn tài trợ nước ngoài chịu trách nhiệm quản lý thực hiện chương trình, dự án; theo dõi, giám sát chương trình, dự án và thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 12. Nhận các hình thức khen thưởng (Huân chương, Huy chương, danh hiệu, giải thưởng...) do các tổ chức, cá nhân nước ngoài trao tặng

1. Việc tiếp nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài trao tặng đối với tập thể Bộ Nội vụ phải được sự đồng ý của Ban Bí thư.

2. Việc tiếp nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài trao tặng đối với Bộ trưởng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Nội vụ và Ban Thi đua khen thưởng Trung ương triển khai thực hiện theo quy định.

Bộ trưởng xem xét quyết định chủ trương nhận các hình thức khen thưởng do nước ngoài trao tặng cho các đơn vị, cá nhân của Bộ Nội vụ trên cơ sở đề xuất của Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Nội vụ và Vụ Hợp tác quốc tế.

Hồ sơ đề nghị do các đơn vị nhận khen thưởng chuẩn bị gồm công văn đề nghị, văn bản (hoặc thông tin) của nước ngoài dự định tặng (hoặc quyết định) các hình thức khen thưởng của nước ngoài cho tổ chức, cá nhân của Bộ Nội vụ.

Điều 13. Khen thưởng các đối tác quốc tế

1. Các cơ quan, tổ chức quốc tế, các cá nhân nước ngoài ở Việt Nam hay tại nước ngoài có thành tích xứng đáng, đóng góp cho ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ đều được xét tặng khen thưởng.

2. Việc trao tặng khen thưởng cấp Nhà nước cho các đối tác nước ngoài phải được sự đồng ý về chủ trương của Ban Bí thư.

3. Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Bộ Nội vụ và Ban Thi đua khen thưởng Trung ương tổ chức thực hiện theo quy định.

Bộ trưởng xem xét, quyết định việc tặng Bằng khen cấp Bộ. Kỳ niệm chương của Bộ, ngành cho các đối tác nước ngoài trên cơ sở đề xuất của Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Bộ Nội vụ và Vụ Hợp tác quốc tế.

Hồ sơ do các đơn vị đề nghị tặng khen thưởng chuẩn bị gồm Tờ trình/công văn đề nghị; báo cáo thành tích của tổ chức, cá nhân người nước ngoài (do đơn vị đề nghị thực hiện) có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị và Lãnh

đạo Bộ phụ trách; xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật đối với Nhà nước Việt Nam (nếu có liên quan).

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ xem xét, quyết định tặng Giấy khen của đơn vị cho đối tác nước ngoài sau khi đã báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách đơn vị; đồng thời thông báo cho Vụ Hợp tác quốc tế và Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Bộ Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

Điều 14. Công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại

Công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại của Bộ Nội vụ được thực hiện theo Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại và Thông tư số 02/2019/TT-BTTTT ngày 08/3/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

1. Văn phòng Bộ thực hiện nhiệm vụ người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định

2. Trung tâm Thông tin chịu trách nhiệm đảm bảo hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ sở dữ liệu, các chuyên trang, chuyên mục cung cấp thông tin cho các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan báo chí, các tổ chức trong nước và nước ngoài khai thác, tìm hiểu, nghiên cứu. Tổ chức biên soạn và phát hành các ấn phẩm, tài liệu về thông tin đối ngoại, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền bằng tiếng nước ngoài.

3. Vụ Hợp tác quốc tế cung cấp thông tin cho Trung tâm Thông tin về các hoạt động hợp tác quốc tế thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

4. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch truyền thông về các lĩnh vực công tác của Bộ Nội vụ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định ban hành.

Điều 15. Bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác hợp tác quốc tế

1. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị liên quan tham mưu Lãnh đạo Bộ xây dựng chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức đối ngoại, kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế; phối hợp với Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành Trung ương và đối tác quốc tế đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác hợp tác quốc tế của Bộ.

2. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan đề xuất Lãnh đạo Bộ ban hành kế hoạch, giải

pháp nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức làm công tác hợp tác quốc tế của Bộ.

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 06 tháng hàng năm các đơn vị có trách nhiệm gửi báo cáo công tác đối ngoại về Vụ Hợp tác quốc tế để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ. Báo cáo định kỳ 06 tháng gửi trước ngày 20 tháng 5 và báo cáo năm gửi trước ngày 20 tháng 10 hàng năm.

2. Các chương trình, dự án có nguồn tài trợ nước ngoài thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

3. Báo cáo tổng hợp về hợp tác trong các lĩnh vực công tác của Bộ Nội vụ với từng đối tác nước ngoài do Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì xây dựng. Các đơn vị trực thuộc khi gửi báo cáo hợp tác quốc tế theo yêu cầu của các bộ/ ngành khác cần gửi về Vụ Hợp tác quốc tế để Vụ Hợp tác quốc tế báo cáo cấp có thẩm quyền.

4. Vụ Hợp tác quốc tế có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Bộ gửi báo cáo hàng năm đến Bộ Ngoại giao để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo đơn vị mình triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các đơn vị thông báo với Vụ Hợp tác quốc tế và báo cáo Lãnh đạo Bộ việc phân công lãnh đạo phụ trách công tác Hợp tác quốc tế và bộ phận chuyên môn và/hoặc cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm theo dõi quá trình thực hiện công tác hợp tác quốc tế của đơn vị mình và phối hợp chặt chẽ với Vụ Hợp tác quốc tế trong quá trình thực hiện.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vấn đề vướng mắc các đơn vị báo cáo Lãnh đạo Bộ (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế) để xem xét, giải quyết.

Quy chế Quản lý công tác hợp tác quốc tế của Bộ Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 1991/QĐ-BNV ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hết hiệu lực từ kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ áp dụng theo quy định mới./.